

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Số: 12/2022/KPF/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Báo cáo tài chính Riêng Năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;
- Quý Cổ đông.

A. THÔNG TIN CÔNG TY

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH
- Mã chứng khoán: KPF
- Mã số thuế: 0103930374
- Địa chỉ trụ sở chính: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 0934981818

B. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

- Loại thông tin công bố Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố
Báo cáo tài chính Riêng năm 2021 (Đã được kiểm toán) của Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh vào ngày 10/03/2022 tại đường link Website của Công ty: <http://www.kpf.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 ngày 14 tháng 4 năm 2021

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST .,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/4/2021
Ông Lê Anh Đức	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 28/04/2021
Bà Đinh Kim Nhung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Lê Thị Mộng Đào	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Phạm Nguyễn Thoa	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 28/4/2021
Ông Nguyễn Viết Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm ngày 28/4/2021

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lâm Thị Mỹ Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Đình Minh Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Lý	Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đinh Kim Nhung	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Người đại diện trước pháp luật của Công ty: Bà Đinh Kim Nhung

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ_CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đình Kim Nhung



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 165 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2021
của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh*

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh được lập ngày 09 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Hoàng Kim Thùy
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
số 1464-2018-133-1

Kiểm toán viên

Phạm Thị Tuyên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Kiểm toán : 1474-2021-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		369.255.742.271	73.354.306.048
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	2.522.814.894	2.497.486.608
1. Tiền	111		522.814.894	2.497.486.608
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		366.584.205.572	70.504.670.447
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	-	2.200.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	79.381.818	3.036.037.386
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	363.981.000.000	60.561.337.286
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.523.823.754	4.707.295.775
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		148.721.805	352.148.993
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		148.721.805	352.148.993
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		360.375.006.495	159.633.659.889
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		133.705.600	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	133.705.600	-
II. Tài sản cố định	220		44.488.895	127.681.394
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	-	70.192.503
- Nguyên giá	222		164.316.364	253.236.364
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(164.316.364)	(183.043.861)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	44.488.895	57.488.891
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(20.511.105)	(7.511.109)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	360.000.000.000	159.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		294.000.000.000	139.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		66.000.000.000	20.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		196.812.000	5.978.495
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		196.812.000	5.978.495
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		729.630.748.766	232.987.965.937

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
				Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		9.509.711.829	5.412.893.872
I. Nợ ngắn hạn	310		9.509.711.829	5.412.893.872
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.418.572.603	4.516.750.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	7.749.574.360	694.741.653
4. Phải trả người lao động	314		341.564.866	201.401.941
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		720.121.036.937	227.575.072.065
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	720.121.036.937	227.575.072.065
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		579.689.330.000	180.178.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		579.689.330.000	180.178.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42.036.500.000	(30.000.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		98.395.206.937	47.426.112.065
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ	421a		29.408.662.065	19.833.860.137
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		68.986.544.872	27.592.251.928
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		729.630.748.766	232.987.965.937

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Đặng Quốc Thái

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	25.000.000.000	7.000.000.000
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
- Hàng bán bị trả lại	02b		-	-
- Giảm giá hàng bán	02c		-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp	02d		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		25.000.000.000	7.000.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	16	-	1.896.034.581
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		25.000.000.000	5.103.965.419
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	57.811.236.808	27.768.328.294
7. Chi phí tài chính	22	18	171.636.364	50.000.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	5.903.490.903	4.457.168.793
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		76.736.109.541	28.365.124.920
11. Thu nhập khác	31	20	9.900	-
12. Chi phí khác	32	21	209	588.181
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		9.691	(588.181)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		76.736.119.232	28.364.536.739
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	7.749.574.360	772.284.811
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		68.986.544.872	27.592.251.928

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Đặng Quốc Thái

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**Phương pháp gián tiếp****Năm 2021**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	76.736.119.232	28.364.536.739
2. Điều chỉnh cho các khoản		(31.719.789.594)	(27.693.858.049)
- Khấu hao tài sản cố định	02	42.748.241	74.470.245
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(31.762.537.835)	(27.768.328.294)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.016.329.638	670.678.690
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	9.933.672.931	3.872.706.498
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(2.976.073.855)	(1.375.523.800)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(190.833.505)	282.188.296
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(676.682.548)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51.106.412.661	3.450.049.684
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(65.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	40.444.258	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(428.931.000.000)	(56.995.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	125.511.337.286	37.959.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(294.000.000.000)	(20.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	93.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29.238.714.081	37.002.493.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(474.640.504.375)	(2.098.506.879)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	423.559.420.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	423.559.420.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	25.328.286	1.351.542.805
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.497.486.608	1.145.943.803
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.522.814.894	2.497.486.608

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Đặng Quốc Thái

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh



Tổng Giám đốc

Đinh Kim Nhung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 ngày 14 tháng 4 năm 2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST ,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 579.689.330.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy chín tỷ, sáu trăm tám chín triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng./.). Tương đương với 57.968.933 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 14 người

Lĩnh vực kinh doanh:

Tư vấn, xây dựng, kinh doanh bất động sản và buôn bán hàng hóa.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được

căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid 19: Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này, có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tiền mặt tại quỹ	282.474.875		1.716.119.665	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	240.340.019		781.366.943	
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000		-	
<i>Tiền gửi tại ACB có kỳ hạn <3 tháng</i>	<i>2.000.000.000</i>		<i>-</i>	
	2.522.814.894		2.497.486.608	

4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Công Ty Cổ Phần TTC Deluxe Sài Gòn	-		2.200.000.000	
	-		2.200.000.000	

b Số dư các bên liên quan	Bên liên quan	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND	
Công Ty Cổ Phần TTC Deluxe SG	Công ty con từ tháng 4/2021	-		2.200.000.000	

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Công ty CP Tập Đoàn Bắc Đô	-		1.145.586.402	
Công ty CP Sản xuất và Thương mại An Phú Hưng	-		1.068.551.984	
Công ty CP Khoan Đa Dụng- Xử Lý Nước Nam Sơn Thăng	-		746.897.000	
Công ty CP chứng khoán Rồng Việt	68.181.818		-	
Các khách hàng khác	11.200.000		75.002.000	
Cộng	79.381.818		3.036.037.386	

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH New World Capital	26.386.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty TNHH A Type Machine	-	-	21.995.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư và Kinh Doanh Bất Động Sản Sakiland	-	-	12.000.000.000	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Phúc Hậu	245.720.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	91.875.000.000	-	3.566.337.286	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Viễn Thông Minh Vi	-	-	13.000.000.000	-
	363.981.000.000	-	60.561.337.286	-

Đây là các khoản cho vay tạm thời khi vốn nhàn rỗi Thời gian cho vay: 12 tháng kể từ ngày cho vay, lãi suất cho vay là 8% - 9%/ năm

Chi tiết một số hợp đồng cho vay:

(1) Đây là khoản cho công ty TNHH New World Capital vay vốn theo Hợp đồng số 2112/2021/HĐVV-KPF-NWC ngày 21/12/2021 giữa Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Hoàng Minh và Công ty TNHH New World Capital, số tiền cho vay là 26.386.000.000 VND, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân.

(2) Đây là khoản cho Công ty TNHH Đầu Tư Phúc Hậu vay vốn theo các Hợp đồng cho vay (8 hợp đồng) giữa Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Hoàng Minh và Công ty TNHH Đầu Tư Phúc Hậu, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Số dư tại ngày 31/12/2021 của các Hợp đồng này là 245.720.000.000 VND.

(3) Đây là khoản cho Công ty TNHH Đầu Tư Cam Lâm vay vốn theo Hợp đồng cho vay số 1412/2021/HĐVV-KPF-CL ngày 14/12/2021 giữa Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính Hoàng Minh và Công ty TNHH Đầu Tư Cam Lâm, lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Số dư tại ngày 31/12/2021 là 91.875.000.000 VND.

Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con đến 15/11/2021	91.875.000.000	3.566.337.286

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.523.823.754		4.707.295.775	-
Công ty TNHH New World Capital	71.567.507	-	39.726.027	-
Công ty TNHH A Type Machine	-	-	1.132.912.329	-
Công ty TNHH Đầu Tư và Kinh Doanh Bất Động Sản Sakiland	-	-	429.041.094	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Phúc Hậu	2.210.612.411	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	241.643.836	-	1.900.534.069	-
Công ty CP ThaiHoldings	-	-	172.307.520	-
Khác	-	-	1.032.774.736	-
Dài hạn	133.705.600			
Ký quỹ, ký cược dài hạn	133.705.600	-	-	-
	2.657.529.354		4.707.295.775	

Số dư là lãi các khoản cho vay còn phải thu đến 31/12/2021

Số dư với các bên liên quan

		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con đến tháng 15/11/2021	241.643.836	1.900.534.069

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	205.936.364	47.300.000	253.236.364
Giảm trong năm	88.920.000	-	88.920.000
- Thanh lý, nhượng bán	88.920.000		88.920.000
Số dư cuối năm	117.016.364	47.300.000	164.316.364
Hao mòn TSCĐ			
Số dư đầu năm	144.740.241	38.303.620	183.043.861
Số tăng trong năm	20.751.865	8.996.380	29.748.245
- Trích khấu hao trong năm	20.751.865	8.996.380	29.748.245
Giảm trong năm	48.475.742	-	48.475.742
- Thanh lý, nhượng bán	48.475.742		48.475.742
Số dư cuối năm	117.016.364	47.300.000	164.316.364
Giá trị còn lại			0
Số đầu năm	61.196.123	8.996.380	70.192.503
Số cuối năm	-	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 164.316.364 VND

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	65.000.000	65.000.000
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	65.000.000	65.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	7.511.109	7.511.109
Số tăng trong năm	12.999.996	12.999.996
- Khấu hao trong năm	12.999.996	12.999.996
Số cuối năm	20.511.105	20.511.105
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	57.488.891	57.488.891
Tại ngày cuối năm	44.488.895	44.488.895

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Số 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư góp vốn vào công ty con	294.000.000.000	-	-	139.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm		-	-	-
Công Ty Cổ phần TTC Deluxe Sài Gòn	294.000.000.000	-	-	139.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	66.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Quý Đầu Tư Giá Trị Việt Nam		-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	66.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Cộng	360.000.000.000	-	-	159.500.000.000

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2021 như sau:

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Lô D14C - Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	44,00%	44,00%	Xây dựng nhà các loại; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật; Hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Công Ty Cổ Phần TTC Deluxe Sài Gòn	Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	98,00%	98,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dài hạn	196.812.000	5.978.495
- Chi phí quảng cáo	196.812.000	-
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	5.978.495
Cộng	196.812.000	5.978.495

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mạnh Quân	-	-	2.813.178.000	2.813.178.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vina AI	1.229.486.832	1.229.486.832	1.229.486.832	1.229.486.832
Các khách hàng khác	189.085.771	189.085.771	474.085.446	474.085.446
	1.418.572.603	1.418.572.603	4.516.750.278	4.516.750.278

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Số 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối năm	
	Số phải trả	Số phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải trả
Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	-	-	2.031.059.908	2.031.059.908	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	676.682.548	7.749.574.360	676.682.548	-	7.749.574.360
Thuế Thu nhập cá nhân	-	18.059.105	208.346.773	226.405.878	-	-
Cộng	-	694.741.653	9.988.981.041	2.934.148.334	-	7.749.574.360

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Số 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	180.178.960.000	(30.000.000)	19.833.860.137	199.982.820.137
- Lãi trong năm trước	-	-	27.592.251.928	27.592.251.928
Số dư cuối năm trước	180.178.960.000	(30.000.000)	47.426.112.065	227.575.072.065
Số dư đầu năm nay	180.178.960.000	(30.000.000)	47.426.112.065	227.575.072.065
- Tăng vốn trong năm (*)	381.492.920.000	42.270.000.000		423.762.920.000
- Lãi trong năm	-	-	68.986.544.872	68.986.544.872
- Chia cổ tức (**)	18.017.450.000	-	(18.017.450.000)	-
- Chi phí phát hành	-	(203.500.000)	-	(203.500.000)
Số dư cuối năm	579.689.330.000	42.036.500.000	98.395.206.937	720.121.036.937

(*): Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo Tờ trình số 18/2020/KPFF/TTr- HĐQT ngày 20/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 20/3/2020;

+ Cho cổ đông chiến lược: Số lượng cổ phần: 2.113.500 cổ phần (tương đương 21.135.000.000 VND); Giá phát hành là 30.000 VND/CP; Thặng dư phát sinh: 42.270.000.000 VND.

+ Cho cổ đông hiện hữu: Số lượng cổ phần: 36.035.792 cổ phần (tương đương 360.357.920.000 VND); Giá phát hành là 10.000 VND/CP; tỷ lệ thực hiện quyền là 1:2.

(**) Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2019 bằng cổ phiếu theo Tờ trình Đại hội cổ đông số 14/2020/KPFF/TTr- HĐQT ngày 20/03/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua. Tỷ lệ cổ tức là 10%

b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	Số tiền (MG)	%	Số tiền (MG)	%
Vũ Đức Toàn	36.382.500.000	6,28%	33.075.000.000	18,36%
Các cổ đông khác	543.306.830.000	93,72%	147.103.960.000	81,64%
	579.689.330.000	100,00%	180.178.960.000	100,00%

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	180.178.960.000	180.178.960.000
- Vốn góp tăng trong năm	399.510.370.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	579.689.330.000	180.178.960.000
- Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm:	18.017.450.000	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:</i>	<i>18.017.450.000</i>	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay:</i>	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng cổ phiếu	18.017.450.000	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:</i>	<i>18.017.450.000</i>	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay:</i>	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm:	-	-

d Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.968.933	18.017.896
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.968.933	18.017.896
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>57.968.933</i>	<i>18.017.896</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.968.933	18.017.896
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>57.968.933</i>	<i>18.017.896</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu Bất động sản (*)	25.000.000.000	7.000.000.000
	25.000.000.000	7.000.000.000

(*) Đây là khoản doanh thu chuyển nhượng Hợp đồng hợp tác kinh doanh -Dự án Khu phức hợp và Nhà ở Phước Lợi (GDD1) số 0906/2021/HĐCN/KPF- CC giữa KPF và Công ty TNHH Đầu tư Central Capital

Theo Hợp đồng, KPF sẽ chuyển nhượng toàn bộ quyền tham gia dự án cũng như quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng Hợp tác kinh doanh của KPF vào dự án "Giai đoạn 1 Dự án Khu phức hợp và nhà ở Phước Lợi tại thôn Phước Lợi, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa" mà công ty đã ký kết với Công ty CP Địa ốc Happy - là chủ đầu tư thực hiện dự án

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn Bất động sản	-	1.896.034.581
- Giá vốn cung cấp dịch vụ lữ hành		
- Giá vốn hoạt động xây lắp		
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư		
Cộng	-	1.896.034.581

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi	81.268.614	657.573
- Lãi cho vay	9.365.919.221	3.785.835.173
- Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	22.315.350.000	23.981.835.548
- Lãi từ hoạt động đầu tư (**)	26.048.698.973	-
	57.811.236.808	27.768.328.294

(*): Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm theo Theo BB hợp Hội đồng thành viên ngày 08/03/2021 của Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm

(**): Lãi đầu tư TP: 1.423.698.973 VND; Lãi chuyển nhượng CCQ: 6.250.000.000 VND; Lãi chuyển nhượng vốn đầu tư vào Cam Lâm: 18.375.000.000 VND

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Phí chuyển nhượng trái phiếu	3.636.364	
- Phí tài chính khác	168.000.000	50.000.000
	171.636.364	50.000.000

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	5.978.495	109.880.776
- Chi phí nhân công	2.431.349.586	2.172.508.071
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.748.241	74.470.245
- Thuế, phí, lệ phí	3.550.000	6.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.486.531.241	960.976.366
- Chi phí khác bằng tiền	933.333.340	1.133.333.335
	5.903.490.903	4.457.168.793

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu nhập khác	9.900	-
	9.900	-

21. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí khác	209	588.181
	209	588.181

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Nội dung	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	76.736.119.232	28.364.536.739
Các khoản điều chỉnh tăng	933.333.340	1.133.618.891
Các khoản điều chỉnh giảm	(22.315.350.000)	(23.981.835.548)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(22.315.350.000)	(23.981.835.548)
Thu nhập chịu thuế TNDN	55.354.102.572	5.516.320.082
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	11.070.820.514	1.103.264.016
Chi phí thuế TNDN được giảm (30%)	(3.321.246.154)	(330.979.205)
Chi phí thuế TNDN	7.749.574.360	772.284.811

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.522.814.894		2.497.486.608	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.657.529.354	-	6.907.295.775	-
Các khoản cho vay	363.981.000.000		60.561.337.286	
	369.161.344.248	-	69.966.119.669	-
Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ			-	-
Phải trả người bán, phải trả khác			1.418.572.603	4.516.750.278
Chi phí phải trả			-	-
			1.418.572.603	4.516.750.278

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có năm hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.522.814.894			2.522.814.894
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.523.823.754	133.705.600		2.657.529.354
Các khoản cho vay	363.981.000.000	-		363.981.000.000
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Đầu tư dài hạn				-
	369.027.638.648	133.705.600	-	369.161.344.248

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.497.486.608			2.497.486.608
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.907.295.775	-		6.907.295.775
Các khoản cho vay	60.561.337.286	-		60.561.337.286
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Đầu tư dài hạn				-
	69.966.119.669	-	-	69.966.119.669

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-		-
Phải trả người bán, phải trả khác	1.418.572.603	-		1.418.572.603
Chi phí phải trả	-	-		-
	1.418.572.603	-	-	1.418.572.603
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-		-
Phải trả người bán, phải trả khác	4.516.750.278	-		4.516.750.278
Chi phí phải trả	-	-		-
	4.516.750.278	-	-	4.516.750.278

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm 2021 công ty có thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tổng số tiền là: 18.017.450.000 VND. Do vậy, trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu "Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH" và chỉ tiêu "Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu" sẽ không phản ánh số tiền này.

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	25.000.000.000	25.000.000.000
Chi phí bộ phận	-	-
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	25.000.000.000
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		5.903.490.903
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		19.096.509.097
Doanh thu hoạt động tài chính		57.811.236.808
Chi phí tài chính		171.636.364
Thu nhập khác		9.900
Chi phí khác		209
Thuế TNDN hiện hành		7.749.574.360
Lợi nhuận sau thuế		68.986.544.872

27. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con đến 15/11/2021

Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận được chia	22.315.350.000	23.981.835.548
Cho vay	124.325.000.000	3.566.337.286
Hoàn trả gốc cho vay	36.016.337.286	-
Lãi cho vay phát sinh	916.595.620	928.228.455
Lãi vay đã trả	2.575.485.853	-

b. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.755.630.574	1.890.998.803

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán

Người lập biểu



Đặng Quốc Thái

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung